

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09/3/2020

Về việc: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đợi
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lục Thị D, sinh năm 1993 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh N

- Bị đơn: Anh Lương Hồng Q, sinh năm 1991 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/9/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Lục Thị D trình bày: Vào ngày 26 tháng 12 năm 2013 chị D, anh Q đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình. Do đó, anh, chị đã ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Hồng Q.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Lương Hải N, sinh ngày 21/6/2014 và cháu Lương Huy V, sinh ngày 16/02/2016. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Lương Huy V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và giao cháu Lương Hải N cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

Ngày 27/12/2019, Tòa án nhân dân huyện M nhận được đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong quá trình làm việc tại Tòa án của Chị Lục Thị D.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:*

Tại biên bản xác minh ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh Q thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn thì anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Lục Thị D. Chị Lục Thị D được ly hôn với anh Lương Hồng Q.

- Về con chung: Giao cháu Lương Hải N, sinh ngày 21/6/2014 cho anh Lương Hồng Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao cháu Lương Huy V, sinh ngày 16/02/2016 cho Chị Lục Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Lục Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn anh Lương Hồng Q có địa chỉ tại Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh N Nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý là

đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lương Hồng Q, trong quá trình giải quyết vụ án anh Lương Hồng Q vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 27/12/2019 Tòa án nhân dân huyện M đã thông báo cho anh Lương Hồng Q biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện M triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Lương Hồng Q vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của anh Lương Hồng Q đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Lương Hồng Q phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện M tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Lương Hồng Q là phù hợp.

Chị Lục Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Lục Thị D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lục Thị D:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lục Thị D và anh Lương Hồng Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện C, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 136 ngày 26/12/2013. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân với nhau từ năm 2017 nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, chị D thừa nhận chị không còn tình cảm với anh Q, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D và giải quyết cho Chị Lục Thị D được ly hôn với anh Lương Hồng Q.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Lương Hải N, sinh ngày 21/6/2014 cho anh Lương Hồng Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao cháu Lương Huy V, sinh ngày 16/02/2016 cho Chị Lục Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Lục Thị D, anh Lương Hồng Q được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lục Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Lục Thị D. Chị Lục Thị D được ly hôn với anh Lương Hồng Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Hải N, sinh ngày 21/6/2014 cho anh Lương Hồng Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao cháu Lương Huy V, sinh ngày 16/02/2016 cho Chị Lục Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Lục Thị D, anh Lương Hồng Q được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lục Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001792 ngày 28/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Mận